

Số: 338.../CV-BV

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Bộ Y tế

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông

Số giấy phép hoạt động 78/BYT-GPHĐ Cơ quan cấp: Bộ Y tế ngày 14 tháng 08 năm 2019

Địa chỉ: số 150, đường Nguyễn Sơn Hà, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: PGS.TS Trần Minh Đạo

Điện thoại liên hệ: 1900888816 Email: benhviendakhoa16ahadong@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y khoa;
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Nội;
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ngoại;
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên ngành Sản Phụ khoa;
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Xét nghiệm;
- Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Điện quang;
- Y sĩ đa khoa;
- Điều dưỡng;
- Kỹ thuật y chuyên ngành xét nghiệm;
- Hộ sinh;

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: (Có danh sách kèm theo)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Bệnh viện kí hợp đồng số 333/HĐTH-BVĐK16AHD-BVĐKHĐ ngày 28/06/2024 về việc liên kết đào tạo với Bệnh viện đa khoa Hà Đông nội dung thực hành về Hồi sức cấp cứu.



4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:

| STT | Đối tượng thực hành | Số lượng người tiếp cận/năm |
|-----|--|-----------------------------|
| 1 | Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y khoa | 40 |
| 2 | Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Nội | 80 |
| 3 | Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ngoại | 30 |
| 4 | Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên ngành Sản Phụ khoa | 25 |
| 5 | Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Xét nghiệm | 25 |
| 6 | Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Điện quang | 35 |
| 7 | Y sĩ đa khoa | 15 |
| 8 | Điều dưỡng | 95 |
| 9 | Kỹ thuật y chuyên ngành xét nghiệm | 40 |
| 10 | Hộ sinh | 15 |
| | Tổng số | 400 |

5. Chi phí hướng dẫn thực hành:

- Đối tượng là bác sĩ với phạm vi hành nghề Y khoa; bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Nội; bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ngoại; bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên ngành Sản Phụ khoa; bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Xét nghiệm; bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Điện quang: 2.000.000đ/tháng/học viên

- Đối tượng là y sĩ đa khoa, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y chuyên ngành xét nghiệm: 1.000.000đ/tháng/học viên

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố:

- Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 78/BYT-GPHĐ do Bộ Y tế cấp ngày 14/08/2019

- Danh sách người hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông

- Kế hoạch đào tạo thực hành lâm sàng khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông

- Hợp đồng đào tạo thực hành hồi sức cấp cứu số 333/HĐTH-BVĐK16AHD-BVĐKHĐ ngày 28/06/2024 giữa Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông với Bệnh viện đa khoa Hà Đông.



GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
Trần Minh Đạo

Số: 339/KH-BV

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

Đào tạo thực hành lâm sàng Khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông xây dựng Kế hoạch đào tạo thực hành lâm sàng khám bệnh, chữa bệnh đối với các đối tượng là: bác sĩ y khoa, bác sĩ chuyên ngành Ngoại khoa, bác sĩ chuyên ngành Nội khoa, bác sĩ chuyên ngành Sản Phụ khoa, bác sĩ chuyên ngành Điện quang, bác sĩ chuyên ngành Xét nghiệm, y sĩ đa khoa, điều dưỡng, hộ sinh và kỹ thuật y chuyên ngành xét nghiệm để cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho các đối tượng thực hành như sau:

I. MỤC TIÊU HỌC TẬP

1. Mục tiêu tổng quát:

Sau khóa học, học viên có khả năng thực hiện được các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh một cách an toàn, hiệu quả cho người bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

Thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với từng đối tượng được quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế.

II. ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Đối tượng:

- Bác sĩ y khoa, bác sĩ chuyên ngành Ngoại khoa, bác sĩ chuyên ngành Nội khoa, bác sĩ chuyên ngành Sản Phụ khoa, bác sĩ chuyên ngành Điện quang, bác sĩ chuyên ngành Xét nghiệm, y sĩ đa khoa, điều dưỡng, hộ sinh và kỹ thuật y chuyên ngành xét nghiệm

2. Thời gian thực hành:

| TT | Đối tượng | Thời gian thực hành chuyên môn KB,CB | Thời gian thực hành chuyên môn KB,CB về Hồi sức cấp cứu | Tổng thời gian thực hành |
|----|---------------|--------------------------------------|---|--------------------------|
| 1 | Bác sĩ y khoa | 9 tháng | 3 tháng | 12 tháng |

| | | | | |
|----|--|---------|---------|----------|
| 2 | Bác sĩ chuyên ngành Ngoại khoa | 9 tháng | 3 tháng | 12 tháng |
| 3 | Bác sĩ chuyên ngành Nội khoa | 9 tháng | 3 tháng | 12 tháng |
| 4 | Bác sĩ chuyên ngành Sản Phụ khoa | 9 tháng | 3 tháng | 12 tháng |
| 5 | Bác sĩ chuyên ngành Điện quang | 9 tháng | 3 tháng | 12 tháng |
| 6 | Bác sĩ chuyên ngành Xét nghiệm | 9 tháng | 3 tháng | 12 tháng |
| 7 | Y sĩ đa khoa | 6 tháng | 3 tháng | 9 tháng |
| 8 | Điều dưỡng | 5 tháng | 1 tháng | 6 tháng |
| 9 | Hộ sinh | 5 tháng | 1 tháng | 6 tháng |
| 10 | Kỹ thuật y - kỹ thuật xét nghiệm y học | 5 tháng | 1 tháng | 6 tháng |

III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

- Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông. Địa chỉ: số 150 Nguyễn Sơn Hà, phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội.

- Bệnh viện đa khoa Hà Đông. Địa chỉ: số 2 Bế Văn Đàn, phường Quang Trng, quận Hà Đông, Hà Nội

IV. NỘI DUNG THỰC HÀNH

1. Hướng dẫn các văn bản pháp quy về khám bệnh, chữa bệnh

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Luật bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008.
- Luật số 46/2014/QH13 ngày 13 tháng 6 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế
- Quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp.
- Quy chế tổ chức, quản lý bệnh viện.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

2. Thực hành kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh

2.1. Thực hành kỹ thuật chuyên môn khám, chữa bệnh đối với người hành nghề chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề y khoa

- Nội dung thực hành: Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại phụ lục V của Thông tư 32/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thời gian và địa điểm thực hành:

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 9 tháng tại các khoa lâm sàng, cận lâm sàng của Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông.

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu 3 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu của Bệnh viện đa khoa Hà Đông.

2.2. Thực hành kỹ thuật chuyên môn khám, chữa bệnh đối với người hành nghề chức danh bác sĩ chuyên ngành Ngoại khoa:

- Nội dung thực hành: Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại phụ lục V và mục IX phụ lục IX của Thông tư 32/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thời gian và địa điểm thực hành:

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 9 tháng tại Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông.

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu 3 tháng tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông.

2.3. Thực hành kỹ thuật chuyên môn khám, chữa bệnh đối với người hành nghề chức danh bác sĩ chuyên ngành Nội khoa:

- Nội dung thực hành: Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại phụ lục V và mục IX phụ lục IX của Thông tư 32/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thời gian và địa điểm thực hành:

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 9 tháng tại Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông.

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu 3 tháng tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông.

2.4. Thực hành kỹ thuật chuyên môn khám, chữa bệnh đối với người hành nghề chức danh bác sĩ chuyên ngành Sản Phụ khoa:

- Nội dung thực hành: Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại phụ lục V và mục XII phụ lục IX của Thông tư 32/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thời gian và địa điểm thực hành:

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 9 tháng tại Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông.

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu 3 tháng tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông.

2.5. Thực hành kỹ thuật chuyên môn khám, chữa bệnh đối với người hành nghề chức danh bác sĩ chuyên ngành Điện quang:

- Nội dung thực hành: Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại phụ lục V và mục XVI phụ lục IX của Thông tư 32/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thời gian và địa điểm thực hành:

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 9 tháng tại Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông.

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu 3 tháng tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông.

2.6. Thực hành kỹ thuật chuyên môn khám, chữa bệnh đối với người hành nghề chức danh bác sĩ chuyên ngành Xét nghiệm:

- Nội dung thực hành: Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại phụ lục V và mục XX, XXI, XXII, XXIII, XXIV phụ lục IX của Thông tư 32/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thời gian và địa điểm thực hành:

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 9 tháng tại Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông.

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu 3 tháng tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông.

2.7. Thực hành kỹ thuật chuyên môn khám, chữa bệnh đối với người hành nghề chức danh Y sĩ đa khoa:

- Nội dung thực hành: Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại phụ lục X của Thông tư 32/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thời gian và địa điểm thực hành:

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 6 tháng tại Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông.

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu 3 tháng tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông.

2.8. Thực hành kỹ thuật chuyên môn khám, chữa bệnh đối với người hành nghề chức danh Điều dưỡng:

- Nội dung thực hành: Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại phụ lục XII của Thông tư 32/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thời gian và địa điểm thực hành:

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 5 tháng tại Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông.

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu 1 tháng tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông.

2.9. Thực hành kỹ thuật chuyên môn khám, chữa bệnh đối với người hành nghề chức danh Hộ sinh:

- Nội dung thực hành: Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại phụ lục XIII của Thông tư 32/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.



- Thời gian và địa điểm thực hành:

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 5 tháng tại Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông.

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu 1 tháng tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông.

2.10. Thực hành kỹ thuật chuyên môn khám, chữa bệnh đối với người hành nghề chức danh Kỹ thuật y chuyên ngành Xét nghiệm:

- Nội dung thực hành: Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại mục II phụ lục XIV của Thông tư 32/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thời gian và địa điểm thực hành:

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 5 tháng tại Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông.

+ Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu 1 tháng tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Tổ chức thực hiện theo Điều 7 của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

1. Phòng Kế hoạch tổng hợp

- Phối hợp với các khoa lâm sàng xây dựng kế hoạch, xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với từng đối tượng thực hành khám, chữa bệnh.

- Xây dựng tài liệu đào tạo thực hành để hướng dẫn cho các đối tượng thực hành khám, chữa bệnh tại Bệnh viện.

- Gửi bản công bố Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Hoàn thiện hồ sơ học viên theo quy định.

- Gửi danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo quy định về Bộ Y tế.

- Đăng tải danh sách người thực hành trên hệ thống thông tin điện tử của Bệnh viện.

- Tham mưu Giám đốc Bệnh viện ban hành Quyết định phân công người hướng dẫn thực hành.

- Sau khi người thực hành kết thúc quá trình thực hành, tiến hành tổ chức đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành.

- Trình Ban Giám đốc cấp giấy chứng nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo quy định.

- Đăng tải danh sách người đã hoàn thành quá trình thực hành trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện.

2. Các khoa/phòng và người được phân công hướng dẫn thực hành



- Trưởng/phó các khoa, phòng và những người được phân công hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm triển khai đào tạo thực hành khám, chữa bệnh theo nội dung quy định cho người thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho người bệnh và chịu trách nhiệm nếu để người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh (trừ trường hợp người thực hành cố ý vi phạm).

- Người hướng dẫn tiến hành đánh giá, nhận xét quá trình thực hành cho người thực hành khi kết thúc quá trình thực hành. Việc đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành phải bảo đảm khách quan, trung thực.

3. Người thực hành khám bệnh, chữa bệnh

- Thực hiện đúng nội quy, quy chế của Bệnh viện trong quá trình thực hành.

- Chỉ được thực hành dưới sự giám sát, hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.

- Tham gia thực hành đầy đủ thời lượng và các chuyên khoa theo quy định.

- Trong thời gian thực hành khám, chữa bệnh tại Bệnh viện, người thực hành không ký hợp đồng lao động với bất cứ đơn vị nào dưới mọi hình thức.

- Nộp kinh phí đầy đủ, đúng thời hạn quy định của Bệnh viện.

Trên đây là kế hoạch đào tạo thực hành lâm sàng khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để b/c);
- Ban GD BV 16A Hà Đông (để chỉ đạo);
- Các khoa, phòng (để thực hiện);
- Lưu: VT, KHTH.



GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
Trần Minh Đạo



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM CHỮA BỆNH**

Số: 333 /HĐTH-BVĐK16A-BVĐKHĐ

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật khám chữa bệnh;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, Phạm vi hoạt động chuyên môn, Danh mục kỹ thuật chuyên môn của Bệnh viện đa khoa Hà Đông và nhu cầu thực hành chuyên môn để đủ điều kiện cấp Giấy phép hành nghề của nhân viên Y tế Bệnh viện đa khoa 16A Hà Đông.

Hôm nay, ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại Bệnh viện ĐK 16A Hà Đông. chúng tôi gồm:

BÊN A: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2 Bế Văn Đàn, P. Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 02433824216

Số tài khoản: 115000120497

Mở tại: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành.

Đại diện: Ông Nguyễn Thành Vinh Chức vụ: Giám đốc

BÊN B: BỆNH VIỆN ĐA KHOA 16A HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Lô đất 150, Nguyễn Sơn Hà, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại: 0903444982

Số tài khoản: 2200201290086

Mở tại: Ngân hàng Agribank Chi nhánh Hà Tây



Đại diện: **Ông Phạm Thành Vận**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Sau khi thảo luận, hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành với nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành

1. Đối tượng thực hành: Bác sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y.

2. Số lượng người thực hành: Tùy theo tình hình thực tế, số lượng người thực hành sẽ được hai bên thỏa thuận thống nhất trong Hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành theo từng khóa học phù hợp với quy định

3. Người hướng dẫn thực hành của Bệnh viện đa khoa Hà Đông: Trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP (danh sách người hướng dẫn thực hành được cập nhật khi Bên A cập nhật và được cụ thể trong Hợp đồng chi tiết của mỗi năm)

4. Nội dung chuyên môn Hồi sức cấp cứu cho từng khóa học thực hành đối với Bác sĩ, Điều dưỡng, Y sĩ, Hộ sinh, Kỹ thuật Y do bên A (Bệnh viện đa khoa Hà Đông) xây dựng nội dung và công bố theo quy định tại điều 3, Nghị định 96/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh

5. Thời gian thực hành: Thực hành chuyên ngành Hồi sức cấp cứu theo quy định của Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023, với đối tượng là Bác sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y

6. Địa điểm thực hành: Tại các khoa: Hồi sức tích cực, Cấp cứu - Bệnh viện đa khoa Hà Đông

7. Chi phí thực hành: Bên B sẽ trả cho Bên A theo thỏa thuận thống nhất trong Hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành của từng khóa học.

8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: 05 năm kể từ ngày ký.

9. Hàng năm hai bên sẽ thảo luận và thống nhất chương trình đào tạo thực hành vào đầu khóa học trước khi ký Hợp đồng chi tiết (tùy theo kế hoạch).

10. Chương trình thực hành đã được phê duyệt: Kèm theo Hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành theo từng khóa học.

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành

1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

2. Thời hạn thanh toán: Theo thỏa thuận của hai bên, được thống nhất trong Hợp đồng chỉ tiết về đào tạo thực hành được ký kết theo từng khóa học.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có quyền:

a. Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành thực hành hồi sức cấp cứu theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.

b. Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu Bên B vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

c. Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên B

d. Các quyền khác (nếu có)

2. Bên A có nghĩa vụ:

a. Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành về hồi sức cấp cứu do bên B gửi sang được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

b. Phân công người hướng dẫn đào tạo thực hành.

c. Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).

d. Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành hồi sức cấp cứu tại cơ sở.

e. Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành hồi sức cấp cứu theo quy định.

f. Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Bên B có quyền:

a. Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành Bên A để hướng dẫn thực hành về hồi sức cấp cứu với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

b. Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành về hồi sức cấp cứu tại cơ sở thực hành.

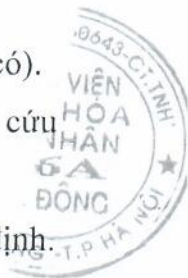
c. Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).

d. Các quyền khác (nếu có).

2. Bên B có nghĩa vụ:

a. Cung cấp cho Bên A thông tin của người thực hành về hồi sức cấp cứu: kế hoạch đào tạo thực hành của khóa học.

b. Chi trả chi phí thực hành cho Bên A đầy đủ theo thỏa thuận



c. Phối hợp giải quyết với bên A cùng xử lý vi phạm đối với trường hợp học viên bên B tự ý gây ra hư hỏng tài sản hoặc gây ra các tai biến trên người bệnh thì học viên phải tự bồi thường theo quy định.

d. Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên tinh thần tôn trọng vì lợi ích chung của hai bên và lợi ích chính đáng của sinh viên, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.

3. Hợp đồng này làm thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản./.



Phạm Thành Vận



Nguyễn Thành Vinh

CÔNG TY TNHH MTV 16A
BỆNH VIỆN ĐA KHOA 16A HÀ ĐÔNG



DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA 16A HÀ ĐÔNG
(Ban hành kèm theo Công văn số 33/KV-BV ngày 08 tháng 9 năm 2024)



| STT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Chức danh chuyên môn | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Ngày cấp GPHN/CCHN | Vị trí chuyên môn | Ghi chú |
|---|-----------------|-----------------|----------------------|--|--|--------------------|---|---------|
| I. Hướng dẫn thực hành đối với bác sĩ phạm vi hành nghề y khoa | | | | | | | | |
| 1 | Trần Minh Đạo | PGS.TS.BS | Bác sĩ | 0013492/BYT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại khoa | 10/01/2014 | Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở (Giám đốc bệnh viện) | |
| 2 | Đỗ Việt Chương | Bác sĩ CKII | Bác sĩ | 070067/CCHN-BQP | Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa, chuyên khoa chấn thương chỉnh hình | 26/11/2015 | Khoa Ngoại | |
| 3 | Nguyễn Văn Chúc | BS CKI | Bác sĩ | 025698/HNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại | 03/10/2018 | Khoa Ngoại | |
| 4 | Kiều Việt Phong | BS CKI | Bác sĩ | 020633/CCHN-BQP | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình | 19/02/2016 | Khoa Ngoại | |
| 5 | Đoàn Văn Đệ | PGS.TS.BSCKII | Bác sĩ | 040087/CCHN-BQP | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, chuyên khoa Tim, Thận, Khớp, Nội tiết | 26/11/2015 | Khoa Khám bệnh | |

| STT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Chức danh chuyên môn | Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Ngày cấp GPHN/CCHN | Vị trí chuyên môn | Ghi chú |
|---|--------------------|-----------------|----------------------|---|--|--------------------|-----------------------------|---------|
| 6 | Nguyễn Ngọc Văn | BS CKII | Bác sĩ | 180161/CCHN-BQP | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, siêu âm tổng quát | 7/9/2016 | Khoa Khám bệnh | |
| 7 | Nguyễn Quang Xuyên | BS CKI | Bác sĩ | 001975/HNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi | 25/9/2012 | Khoa Khám bệnh | |
| 8 | Ngô Văn Quang | BS CKI | Bác sĩ | 013869/HNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng | 8/8/2014 | Khoa Khám bệnh | |
| II. Hướng dẫn thực hành đối với bác sĩ phạm vi hành nghề chuyên khoa Ngoại | | | | | | | | |
| 9 | Hoàng Xuân Tuệ | Bác sĩ CKII | Bác sĩ | 001394/HNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại | 7/8/2012 | Khoa Ngoại - Trường khoa | |
| 10 | Nguyễn Trọng Kính | Bác sĩ CKII | Bác sĩ | 040164/CCHN-BQP | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức | 26/11/2015 | Khoa Ngoại | |
| 11 | Kiều Trung Thành | PGS.TS.BS | Bác sĩ | 040114/CCHN-BQP | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại lồng ngực, Ung bướu và Y học hạt nhân | 26/11/2015 | Khoa Ngoại | |
| 12 | Đặng Việt Dũng | PGS.TS.BSCKII | Bác sĩ | 040144/CCHN-BQP | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, Siêu âm tổng quát | 26/11/2015 | Khoa Ngoại | |
| 13 | Phạm Đăng Ninh | PGS.TS.BSCKII | Bác sĩ | 040128/CCHN-BQP | Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa, chuyên khoa chân thương chỉnh hình | 26/11/2015 | Khoa Ngoại | |
| 14 | Đinh Văn Thực | BS CKI | Bác sĩ | 0017717/BYT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | 17/3/2014 | Khoa Ngoại | |
| III. Hướng dẫn thực hành đối với bác sĩ phạm vi hành nghề chuyên khoa Nội | | | | | | | | |

| STT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Chức đanh chuyên môn | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Ngày cấp GPHN/CCHN | Vị trí chuyên môn | Ghi chú |
|-----|-------------------------|--------------------|-------------------------------|---|---|-----------------------|---------------------------------|------------|
| 15 | Lê Lương Tĩnh | Bác sĩ CKII | Bác sĩ | 040272/CCHN- BQP | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, chuyên khoa Nội truyền nhiễm | 26/11/2015 | Khoa Khám bệnh - Trưởng khoa | |
| 16 | Nguyễn Thanh Hải | BS CKI | Bác sĩ | 018409/HNO- CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | 3/2/2016 | Khoa Khám bệnh | |
| 17 | Trần Đức Thành | Ths.BS CKI | Bác sĩ | 040090/CCHN- BQP | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, chuyên khoa khớp, Nội tiết | 26/11/2015 | Khoa Khám bệnh | |
| 18 | Nguyễn Văn Chương | GS.TS.BS | Bác sĩ | 040033/CCHN- BQP | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, chuyên khoa Nội thần kinh | 26/11/2015 | Khoa Khám bệnh | |
| 19 | Trần Việt Tú | PGS.TS.BSCKII | Bác sĩ | 040014/CCHN- BQP | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, chuyên khoa Nội tiêu hóa | 26/11/2015 | Khoa Khám bệnh | |
| 20 | Nguyễn Minh Hiện | PGS.TS.BSCKII | Bác sĩ | 040104/CCHN- BQP | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, chuyên khoa Nội thần kinh | 26/11/2015 | Khoa Khám bệnh | |
| 21 | Hoàng Vũ Hùng | PGS.TS.BS | Bác sĩ | 040040/CCHN- BQP | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, chuyên khoa Nội truyền nhiễm | 26/11/2015 | Khoa Khám bệnh | |
| 22 | Mai Xuân Khảm | PGS.TS.BSCKII | Bác sĩ | 040027/CCHN- BQP | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, chuyên khoa Nội hô hấp | 26/11/2015 | Khoa Khám bệnh | |
| 23 | Nguyễn Quang Hải | BS CKI | Bác sĩ | 018410/HNO- CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hô hấp cấp cứu | 3/2/2016 | Khoa Nội - Trưởng khoa | |
| 24 | Nguyễn Thị Minh Châu | BS CKI | Bác sĩ | 002160/BYT- CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | 26/11/2012 | Khoa Nội | |

| STT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Chức danh chuyên môn | Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Ngày cấp GPHN/CCHN | Vị trí chuyên môn | Ghi chú |
|---|---------------------|-----------------|----------------------|---|--|--------------------|---|---------|
| 25 | Phạm Như Doãn | BS CKI | Bác sĩ | 0009659/BYT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp | 31/12/2013 | Khoa Nội | |
| 26 | Lê Thị Hương | BS CKI | Bác sĩ | 020467/HNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | 2/12/2016 | Khoa Nội | |
| 27 | Hoàng Vũ Dũng | BS CKI | Bác sĩ | 028620/HNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | 6/11/2019 | Bộ phận Thẩm dò chức năng | |
| 28 | Lưu Văn Thắng | BS CKI | Bác sĩ | 020005/HNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội, Nội soi tiêu hóa | 29/9/2016 | Bộ phận Thẩm dò chức năng | |
| 29 | Phạm Văn Kiểm | Ths.BS | Bác sĩ | 004033/HNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | 7/3/2013 | Bộ phận Thẩm dò chức năng | |
| 30 | Thái Thị Nhã | BS DK | Bác sĩ | 032922/HNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | 21/6/2021 | Bộ phận Thẩm dò chức năng | |
| 31 | Lê Thị Dương | BS DK | Bác sĩ | 033177/HNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | 19/7/2021 | Bộ phận Thẩm dò chức năng | |
| IV. Hướng dẫn thực hành đối với bác sĩ phạm vi hành nghề chuyên khoa Sản | | | | | | | | |
| 32 | Nguyễn Thị Minh Tâm | TS. BSCKII | Bác sĩ | 040200/CCHN-BQP | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản | 26/11/2015 | Khoa Phụ sản - Trường khoa | |
| 33 | Nguyễn Đình Tào | GS.TS.BS | Bác sĩ | 040974/CCHN-BQP | Khám bệnh, chữa bệnh Vô sinh và nuôi cấy phôi | 26/11/2015 | Trung tâm Hỗ trợ sinh sản - Trường khoa | |
| 34 | Từ Thị Thủy | TS. BSCKII | Bác sĩ | 029457/BYT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa | 13/5/2016 | Khoa Phụ sản | |
| 35 | Trần Thị Anh | BS CKII | Bác sĩ | 040201/CCHN-BQP | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản | 26/11/2015 | Khoa Phụ sản | |

| STT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Chức danh chuyên môn | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Ngày cấp GPHN/CCHN | Vị trí chuyên môn | Ghi chú |
|--|-----------------|-----------------|----------------------|--|---|--------------------------|--|---------|
| 36 | Trần Thị Thanh | BS CKI | Bác sĩ | 000133/HNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản | 19/4/2012 | Khoa Phụ sản | |
| V. Hướng dẫn thực hành đối với bác sĩ phạm vi hành nghề chuyên khoa Xét nghiệm | | | | | | | | |
| 37 | Đoàn Trọng Phụ | BS CKII | Bác sĩ | 003461/HNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Xét nghiệm: Hóa sinh | 28/12/2012 | Trưởng khoa Cận lâm sàng | |
| 38 | Trần Thị Liên | BS CKII | Bác sĩ | 003128/HNO-CCHN và quyết định 2757/QĐ-SYT | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Xét nghiệm: Huyết học. Bổ sung: Xét nghiệm Hóa sinh, Vi sinh | 30/11/2012 | Bộ phận Xét nghiệm | |
| 39 | Nguyễn Thị Soan | Bác sĩ CKI | Bác sĩ | 012564/HNO-CCHN và quyết định số 575/QĐ-SYT | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội, siêu âm ổ bụng. Bổ sung: Chuyên khoa xét nghiệm Hóa sinh, Huyết học | 18/04/2014 và 11/03/2016 | Bộ phận Xét nghiệm | |
| 40 | Nguyễn Văn Bằng | PGS.TS.BSCKII | Bác sĩ | 003530/HNO-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa xét nghiệm: Giải phẫu bệnh | 1/7/2013 | Bộ phận Xét nghiệm | |
| 41 | Vi Thuật Thắng | TS.BSCKI | Bác sĩ | 040308/CCHN - BQP | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Xét nghiệm giải phẫu bệnh, tế bào học | 26/11/2015 | Bộ phận Xét nghiệm | |
| VI. Hướng dẫn thực hành đối với bác sĩ phạm vi hành nghề chuyên khoa Điện quang | | | | | | | | |
| 42 | Phạm Khánh Toàn | BS CKII | Bác sĩ | 040317/CCHN-BQP | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh | 26/11/2015 | Bộ phận Chẩn đoán hình ảnh - Trưởng bộ phận | |

| STT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Chức đanh chuyên môn | Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Ngày cấp GPHN/CCHN | Vị trí chuyên môn | Ghi chú | |
|--|---------------------|--------------------|-------------------------------|--|--|-----------------------|-------------------------------|------------|--|
| 43 | Phạm Thành Vân | BS CKII | Bác sĩ | 003556/HNO- CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa X quang, Chụp cắt lớp vi tính, Cộng hưởng từ | 7/1/2013 | Bộ phận Chẩn đoán hình ảnh | | |
| 44 | Nguyễn Mạnh Phúc | BS CKII | Bác sĩ | 003520/HNO- CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa X quang, chụp cắt lớp vi tính, Cộng hưởng từ | 7/1/2013 | Bộ phận Chẩn đoán hình ảnh | | |
| 45 | Đinh Văn Cẩm | TS.BSCKII | Bác sĩ | 018411/HNO- CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh | 3/2/2016 | Bộ phận Chẩn đoán hình ảnh | | |
| 46 | Trần Công Tuấn | BS CKI | Bác sĩ | 000410/HNO- CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa X quang chẩn đoán, Siêu âm tổng quát | 6/9/2018 | Bộ phận Chẩn đoán hình ảnh | | |
| 47 | Nguyễn Mạnh Hùng | BS CKII | Bác sĩ | 040322/CCHN- BQP | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh | 26/11/2015 | Bộ phận Chẩn đoán hình ảnh | | |
| 48 | Trần Văn Riệp | PGS.TS.BSCKII | Bác sĩ | 020661/CCHN- BQP | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán chức năng, Siêu âm chẩn đoán | 19/2/2016 | Bộ phận Thăm dò chức năng | | |
| VII. Hướng dẫn thực hành đối với Y sĩ đa khoa | | | | | | | | | |
| 49 | Hoàng Thị Hương | BS CKI | Bác sĩ | 007063/HNO- CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội | 12/9/2013 | Khoa Khám bệnh | | |
| 50 | Hà Hoàng Kiệm | PGS.TS.BSCKII | Bác sĩ | 040123/CCHN- BQP | Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, chuyên khoa | 26/11/2015 | Khoa Khám bệnh | | |

| STT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Chức danh chuyên môn | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Ngày cấp GPHN/CCHN | Vị trí chuyên môn | Ghi chú |
|---|--------------------|--------------------|----------------------|--|--|--------------------|--|---------|
| 51 | Nguyễn Hoàng Thanh | PGS.TS.BSCKII | Bác sĩ | 040059/CCHN-BQP | Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, chuyên khoa Máu, độc xã và bệnh nghề nghiệp | 26/11/2015 | Khoa Khám bệnh | |
| VIII. Hướng dẫn thực hành đối với Điều dưỡng | | | | | | | | |
| 52 | Mâu Tiến Mạnh | Điều dưỡng đại học | Điều dưỡng | 040741/CCHN-BQP | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV-BYT ngày 07/10/2015 | 26/11/2015 | Phòng Điều dưỡng - Điều dưỡng trưởng bệnh viện | |
| 53 | Vũ Kiều Trang | Điều dưỡng đại học | Điều dưỡng | 020482/HNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV-BYT ngày 07/10/2015 | 2/12/2016 | Khoa Ngoại | |
| 54 | Trương Thị Thiết | Điều dưỡng đại học | Điều dưỡng | 020447/HNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV-BYT ngày 07/10/2015 | 2/12/2016 | Khoa Ngoại | |
| 55 | Dặng Thị Bích | Điều dưỡng đại học | Điều dưỡng | 020492/HNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV-BYT ngày 07/10/2015 | 2/12/2016 | Khoa Ngoại | |

| STT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Chức danh chuyên môn | Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Ngày cấp GPHN/CCHN | Vị trí chuyên môn | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-----------------------|-------------------------------|--|--|-----------------------|------------------------------|------------|
| 56 | Nguyễn Thị Luyện | Điều dưỡng đại học | Điều dưỡng | 032630/HNO- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV- BYT ngày 07/10/2015 | 21/8/2021 | Khoa Khám bệnh | |
| 57 | Nguyễn Thị Mai | Điều dưỡng đại học | Điều dưỡng | 020469/HNO- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV- BYT ngày 07/10/2015 | 2/12/2016 | Khoa Nội | |
| 58 | Nguyễn Thị Ngát | Điều dưỡng đại học | Điều dưỡng | 0008570/HD- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV- BYT ngày 07/10/2015 | 8/1/2016 | Trung tâm Hỗ trợ sinh sản | |
| 59 | Dăng Thị Duyên | Điều dưỡng đại học | Điều dưỡng | 003453/HNO- CCHN | Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 | 7/1/2013 | Trung tâm Hỗ trợ sinh sản | |
| 60 | Vũ Thị Hạnh | Điều dưỡng đại học | Điều dưỡng | 020498/HNO- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV- BYT ngày 07/10/2015 | 2/12/2016 | Trung tâm Hỗ trợ sinh sản | |
| 61 | Nguyễn Thị Hoạt | Điều dưỡng đại học | Điều dưỡng | 003456/HNO- CCHN | Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 | 7/1/2013 | Bộ phận Tham dò chức năng | |
| 62 | Nguyễn Thị Thủy Hồng | Điều dưỡng đại học | Điều dưỡng | 020493/HNO- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo | 2/12/2016 | Bộ phận Tham dò chức năng | |

| STT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Chức đanh chuyên môn | Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Ngày cấp GPHN/CCHN | Vị trí chuyên môn | Ghi chú |
|-----|---------------------|-------------------------|-------------------------------|--|--|-----------------------|----------------------------------|------------|
| 63 | Trần Xuân Hiền | Điều dưỡng đại học | Điều dưỡng | 040731/BQP- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV- BYT ngày 07/10/2015 | 26/11/2015 | Bộ phận Kiểm soát nhiễm khuẩn | |
| 64 | Trần Thị Thúy Hà | Điều dưỡng cao dưỡng | Điều dưỡng | 029098/HNO- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV- BYT ngày 07/10/2015 | 1/6/2020 | Khoa Ngoại | |
| 65 | Đào Thị Hà | Điều dưỡng cao dưỡng | Điều dưỡng | 020455/HNO- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV- BYT ngày 07/10/2015 | 2/12/2016 | Khoa Khám bệnh | |
| 66 | Nguyễn Thị Thúy | Điều dưỡng cao dưỡng | Điều dưỡng | 028139/HNO- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV- BYT ngày 07/10/2015 | 20/8/2019 | Khoa Khám bệnh | |
| 67 | Chu Thị Hân | Điều dưỡng cao dưỡng | Điều dưỡng | 020351/HNO- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV- BYT ngày 07/10/2015 | 14/11/2016 | Khoa Khám bệnh | |

| STT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Chức danh chuyên môn | Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Ngày cấp GPHN/CCHN | Vị trí chuyên môn | Ghi chú |
|-----|-----------------|------------------------|-------------------------------|--|--|-----------------------|------------------------------|------------|
| 68 | Đỗ Thị Vân Anh | Điều dưỡng cao đăng | Điều dưỡng | 020470/HNO- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV- BYT ngày 07/10/2015 | 2/12/2016 | Khoa Nội | |
| 69 | Phùng Thị Hương | Điều dưỡng cao đăng | Điều dưỡng | 032528/HNO- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV- BYT ngày 07/10/2015 | 27/4/2021 | Khoa Nội | |
| 70 | Nguyễn Hà My | Điều dưỡng cao đăng | Điều dưỡng | 028070/HNO- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV- BYT ngày 07/10/2015 | 14/8/2019 | Trung tâm Hỗ trợ sinh sản | |
| 71 | Vũ Thị Thành | Điều dưỡng cao đăng | Điều dưỡng | 029484/HNO- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV- BYT ngày 07/10/2015 | 9/3/2020 | Trung tâm Hỗ trợ sinh sản | |
| 72 | Đoàn Thị Văn | Điều dưỡng cao đăng | Điều dưỡng | 003397/HNO- CCHN | Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 | 7/1/2013 | Bộ phận Khám dò chức năng | |
| 73 | Phạm Thị Thảo | Điều dưỡng cao đăng | Điều dưỡng | 003428/HNO- CCHN | Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 | 7/1/2013 | Bộ phận Khám dò chức năng | |
| 74 | Nguyễn Thị Thúy | Điều dưỡng cao đăng | Điều dưỡng | 020487/HNO- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo | 2/12/2016 | Bộ phận Khám dò chức năng | |

| STT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Chức danh chuyên môn | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Ngày cấp GPHN/CCHN | Vị trí chuyên môn | Ghi chú |
|---|-------------------|-----------------------|----------------------|--|---|--------------------|---------------------------|---------|
| 75 | Vũ Thị Lan Anh | Điều dưỡng cao đẳng | Điều dưỡng | 032790/HNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV-BYT ngày 07/10/2015 | 28/5/2021 | Bộ phận Thăm dò chức năng | |
| 76 | Nguyễn Thị Hà | Điều dưỡng cao đẳng | Điều dưỡng | 033018/HNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV-BYT ngày 07/10/2015 | 2/7/2021 | Bộ phận Thăm dò chức năng | |
| 77 | Phạm Thị Huyền | Điều dưỡng cao đẳng | Điều dưỡng | 032904/HNO-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV-BYT ngày 07/10/2015 | 21/6/2021 | Bộ phận Thăm dò chức năng | |
| IX. Hướng dẫn thực hành kỹ thuật y chuyên ngành xét nghiệm | | | | | | | | |
| 78 | Hoàng Minh Ngân | Thạc sỹ | Kỹ thuật viên | 021931/HNO-CCHN | Chuyên khoa xét nghiệm Hóa sinh | 4/7/2017 | Trung tâm Hồ trợ sinh sản | |
| 79 | Nguyễn Khương Duy | Kỹ thuật viên đại học | Kỹ thuật viên | 025092/HNO-CCHN | Kỹ thuật viên Xét nghiệm | 12/7/2018 | Bộ phận Xét nghiệm | |
| 80 | Trương Văn Biểu | Kỹ thuật viên đại học | Kỹ thuật viên | 029391/HNO-CCHN | Kỹ thuật viên Xét nghiệm | 19/10/2020 | Bộ phận Xét nghiệm | |

| STT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Chức danh chuyên môn | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Ngày cấp GPHN/CCHN | Vị trí chuyên môn | Ghi chú | |
|---------------------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------------|---|---|-----------------------|--------------------------------|------------|--|
| 81 | Nguyễn Thị Hằng | Kỹ thuật viên cao đẳng | Kỹ thuật viên | 020480/HNO- CCHN | Kỹ thuật viên Xét nghị m | 2/12/2016 | Bộ phần Xét nghị m | | |
| 82 | Vũ Thị Huyền | Kỹ thuật viên cao đẳng | Kỹ thuật viên | 020544/HNO- CCHN | Kỹ thuật viên xét nghị m Hóa sinh, Huyết học | 2/12/2016 | Bộ phần Xét nghị m | | |
| 83 | Nguyễn Thị Huyền | Kỹ thuật viên cao đẳng | Kỹ thuật viên | 020488/HNO- CCHN | Kỹ thuật viên Xét nghị m | 2/12/2016 | Bộ phần Xét nghị m | | |
| 84 | Nguyễn Văn Huân | Kỹ thuật viên cao đẳng | Kỹ thuật viên | 020545/HNO- CCHN | Kỹ thuật viên xét nghị m Hóa sinh, Huyết học | 2/12/2016 | Bộ phần Xét nghị m | | |
| 85 | Bùi Thị Hòa | Kỹ thuật viên cao đẳng | Kỹ thuật viên | 040811/CCHN - BQP | Kỹ thuật viên Xét nghị m | 26/11/2015 | Bộ phần Xét nghị m | | |
| X. Hướng dẫn thực hành hộ sinh | | | | | | | | | |
| 86 | Lưu Thị Thu | Hộ sinh đại học | Hộ sinh | 003447/HNO- CCHN | Thực hiện theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/03/2011 | 7/1/2013 | Khoa Phụ sản | | |
| 87 | Nguyễn Thị Lan | Hộ sinh cao đẳng | Hộ sinh | 0021635/HNO- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số 26/2015/TTLT-BNV- BYT ngày 07/10/2015 | 24/5/2017 | Khoa Phụ sản | | |
| 88 | Lê Thị Thủy | Hộ sinh cao đẳng | Hộ sinh | 0021633/HNO- CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại thông tư số | 24/5/2017 | Khoa Phụ sản | | |

| STT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Chức danh chuyên môn | Số giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Ngày cấp GPHN/CCCHN | Vị trí chuyên môn | Ghi chú |
|-----|-----------|--------------------|-------------------------------|---|--|------------------------|----------------------|------------|
| | | | | | 26/2015/TTLT-BNV- BYT ngày 07/10/2015 | | | |